TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08/2026/QĐST-HNGĐ	*Phú Thọ, ngày 10 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Thu Trang.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Bích Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ tham gia phiên họp*:* Bà Dương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên VKSND khu vực 1 - Phú Thọ.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 213/2026/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số: 32/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông B J, sinh năm 1968;
Địa chỉ: 400 C, K, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.
Hộ chiếu số: 6XXX do Bộ ngoại giao Hoa Kỳ cấp ngày xx/xx/2019;

- Bà Dương Thị Kim H, sinh năm 1970;
ĐKTT: Căn hộ A, Tòa nhà M, Tổ A, phường T, thành phố Hà Nội.
Nơi làm việc hiện nay: Công ty TNHH HV; Địa chỉ: Ngõ c, đường T, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ.
Căn cước số: 0081xxxx5148 do Bộ công an cấp ngày xx/xx/2025.

(Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các bản tự khai ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** trình bày: Vợ chồng ông bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 22/07/2025 tại Ủy ban nhân dân phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2025 theo quy định pháp luật.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng ban đầu khá hạnh phúc, nhưng sau một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó chủ yếu là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, bất đồng về ngôn ngữ, tiếng nói, bất đồng về văn hoá dẫn đến cả hai không thể hoà hợp. Do vợ chồng sống xa cách, không thường xuyên liên lạc, không có điều kiện gần gũi nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng ảnh hưởng đến cuộc sống và công việc của cả hai.

Nay nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân trên thực tế không đạt được, nên ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** làm đơn này thống nhất lựa chọn và đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ là Toà án khu vực nơi mà bà **Dương Thị Kim H** đang làm việc hiện nay giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Về con chung: Ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ việc này.

Về tài sản chung: Ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** không nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Bà **Dương Thị Kim H** và ông **B J** thoả thuận để bà **Dương Thị Kim H** tự nguyện xin chịu toàn bộ lệ phí ly hôn.

Ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** đều yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Từ khi thụ lý việc Hôn nhân và gia đình đến khi mở phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đại diện VKSND khu vực 1 - Phú Thọ đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 361, Điều 464, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 122, Điều 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H**.

Về con chung: ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự đều không đề nghị, Tòa án xem xét giải quyết.

Về chi phí tố tụng, lệ phí giải quyết việc dân sự: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** có đơn đề nghị Toà án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ công nhận việc thuận tình ly hôn. Bà **Dương Thị Kim H** hiện đang làm việc tại Công ty TNHH Công nghệ số Hùng Vương; Địa chỉ: Ngõ 49, đường Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ. Ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** đều thống nhất thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ông **B J** mang quốc tịch Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, đang sinh sống và làm việc tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 469 Bộ luật Tố tụng Dân sự, yêu cầu của ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** là việc hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ.

Ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** có đơn xin được giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự và tiến hành phiên họp theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

Ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 22/07/2025 tại Ủy ban nhân dân phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2025 theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng sống xa nhau, khác biệt về văn hoá, ngôn ngữ, lối sống không có điều kiện gần gũi, chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** đều thuận tình ly hôn.

Ông **B J** hiện đang sống và làm việc tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã gửi đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt, giấy uỷ quyền cho bà Hoa nộp tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ thể hiện quan điểm thuận tình ly hôn với bà **Dương Thị Kim H**. Bà **Dương Thị Kim H** đã ký vào đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông **B J** gửi về từ Hoa Kỳ, bà Hoa cũng tự khai tại Toà án thể hiện quan điểm thuận tình ly hôn với ông **B J**. Do đơn yêu cầu công nhận

thuận tình ly hôn và các giấy tờ tài liệu ông **B J** gửi về từ Hoa Kỳ không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại Hoa Kỳ nên theo yêu cầu của bà **Dương Thị Kim H**, Toà án nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ đã trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ giám định chữ ký và chữ viết của ông **B J** trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, giấy uỷ quyền với chữ ký, chữ viết của ông **B J** tại Giấy chứng nhận kết hôn của ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H**. Tại bản kết luận giám định số 3701/KL-KTHS ngày 29/6/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận: *" Chữ ký, chữ viết đứng tên **B J** dưới mục " chồng - ký và ghi rõ họ tên" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, dưới mục " Người tự khai" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2, dưới mục " Người làm đơn" trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 và dưới mục " Người uỷ quyền" trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ ký, chữ viết đứng tên **B J** trên mẫu so sánh (ký hiệu M) là do cùng một người ký và viết ra".* Từ đó đủ cơ sở để kết luận: Ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận.

Về con chung: Ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** xác nhận vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không giải quyết.

Về tài sản chung: ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không giải quyết.

Về nợ chung: Ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không giải quyết.

Về lệ phí ly hôn và chi phí tố tụng: Ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** thoả thuận để bà **Dương Thị Kim H** chịu toàn bộ lệ phí ly hôn và chi phí tố tụng. Xét thấy đề nghị của ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H** là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370, 464 và Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 122, 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông **B J** và bà **Dương Thị Kim H**.

2. Về con chung: Đương sự không đề nghị, Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không đề nghị, Tòa án không giải quyết.

4. Về chi phí giám định: bà **Dương Thị Kim H** tự nguyện chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền lệ phí giám định. Xác nhận bà Hoa đã nộp đủ.

5. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Bà **Dương Thị Kim H** tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005650 ngày 15/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường Từ Liêm, TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Thu Trang